

Số: 57/2019/QĐST-HNGĐ.

Đan Phượng, ngày 04 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn 7, xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị D1, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn 7, xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Thị Thoa, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Thôn 11, xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị D1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị D1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D2, sinh ngày 09/5/2012. Hai bên thoả thuận anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ D2 cho đến khi cháu D2 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Trần Thị D1 cho đến khi anh N có yêu cầu mới. Chị Trần Thị D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị D1 xác định có các tài sản chung như sau: 01 bộ âm thanh loa đài; 01 xe ba gác; 01 xe máy Dream biển kiểm soát 29K8- 0832; 01 xe máy Honda SH biển kiểm soát 18K1- 241.08; 01 bộ bàn ghế; 01 tủ lạnh; ổp đá bậc cầu thang; tay vịn cầu thang; cánh cửa bằng nhôm kính.

Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị D1 tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

- Anh Nguyễn Văn N hưởng: 01 bộ âm thanh loa đài; 01 xe ba gác; 01 xe máy Dream biển kiểm soát 29K8- 0832; 01 bộ bàn ghế; 01 tủ lạnh; ổp đá bậc cầu thang; tay vịn cầu thang; cánh cửa bằng nhôm kính.

- Chị Trần Thị D1 hưởng: 01 xe máy Honda SH biển kiểm soát 18K1- 241.08

Anh Nguyễn Văn N phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho chị Trần Thị D1 là 65.000.000 đồng (sáu mươi năm triệu đồng).

Hai bên đã tự giao nhận tài sản cho nhau xong các tài sản nêu trên. Số tiền anh N phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho chị D1, anh N đã thanh toán cho chị D1 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), anh N còn phải thanh toán cho chị D1 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Trần Thị D1 có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng anh Nguyễn Văn N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án

+ Về nợ chung: Xác định anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị D1 nợ bà Trần Thị T số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Anh Nguyễn Văn N, chị Trần Thị D1, bà Trần Thị T tự thỏa thuận về nợ chung và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

- Anh Nguyễn Văn N phải trả bà Trần Thị T số tiền 37.500.000 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

- Chị Trần Thị D1 phải trả bà Trần Thị T số tiền 37.500.000 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng anh Nguyễn Văn N, chị Trần Thị D1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

+ Về công sức: Anh Nguyễn Văn N, chị Trần Thị D1 xác định không có công sức gì với hai bên gia đình.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010363 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố H. Anh N còn phải nộp tiếp 725.000 đồng (bảy trăm hai mươi năm ngàn đồng).

Chị Trần Thị D1 tự nguyện chịu toàn bộ 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đan Phượng, TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Trung Châu, huyện Đan Phượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Hòa